TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/11/2019
V/v "Xin ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng

-*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hà Minh Tấn

2. Bà Trần Thị Năm

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Anh Kim-cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:140/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc "Xin ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1.***Nguyên đơn***: Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1979

Cư trú: khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2**.*Bị đơn***: Ông Trần Tấn K, sinh năm 1971

Cư trú: khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Nguyên đơn và bị đơn có mặt phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai của bà Nguyễn Thị Cẩm V trình bày: Bà và ông K chung sống năm 1998 và đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2017 bà và ông K xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau do không hòa hợp, ông K hay kiếm chuyện hành hung đánh đập bà nhưng vì thương con bà cố nhẫn nhịn. Nay bà thấy cuộc sống vợ chồng không phù hợp và không còn hạnh phúc, yêu cầu ly hôn ông K.

Về con chung, trong thời gian chung sống bà và ông K có 02 người con chung tên Trần Thị Tú S, sinh ngày 29/9/1999 và Trần Thị Ái N, sinh ngày

11/8/2002. Nay cháu S đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết, còn đối với cháu Như thì theo nguyện vọng của cháu.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vay nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T tiền mua nền nhà trả chậm 9.000.000đồng và hộ thoát nghèo 20.000.000đồng, tổng cộng 29.000.000đồng và trả được 16.500.000đồng còn nợ 12.500.000đồng. Nay yêu cầu hai bên cùng trả nợ Ngân hàng.

Bị đơn ông Trần Tấn K trình bày: Ông và bà V sống chung năm 1998, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2017 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do ông nghi ngờ bà V có người khác bên ngoài nên thường hay cự cãi với nhau, đến khoảng cuối năm 2018 ông và bà V sống ly thân với nhau. Nay ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung như lời trình bày của bà V có 02 người con chung, đối với cháu Trần Thị Tú S đã trưởng thành nên không yêu cầu, còn cháu Trần Thị Ái N thì ông yêu cầu nuôi và yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung. Nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền 12.500.000đồng và nợ tiền mua nền nhà trả chậm 10.000.000đồng, tổng cộng 22.500.000đồng. Nay ông đồng ý trả.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về thủ tục tố tụng*:

Bà Nguyễn Thị Cẩm V với ông Trần Tấn K đăng ký kết hôn ngày 12/12/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T là hôn nhân hợp pháp, nay xảy ra tranh chấp ly hôn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]*Về nội dung vụ án:*

2.1.Sau khi kết hôn bà V và ông K về sống tại ấp T, xã NHL, huyện T sống hạnh phúc được thời gian dài, đến năm 2010 chuyển về sống tại khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bà V khai do ông K hay cờ bạc và hành hung đánh đập bà nhiều lần, còn phía ông K khai bắt gặp bà V ngồi phía sau xe hon đa ôm eo người đàn ông khác, từ đó bà V và ông K thường xuyên cự cãi và xô xát với nhau.

Xét thấy sau khi bà V và ông K về chung sống với nhau đã sống hạnh phúc được thời gian dài, đến năm 2010 ông K nghi nghờ bà V không còn tình cảm với ông vì ông bắt gặp bà V đi xe hon đa với người đàn ông khác nên ông K thừa nhận có đánh bà V với lý do trên. Còn bà V lẽ ra phải giải thích rõ người đàn ông này là người chạy xe ôm chở bà đi công việc để tránh sự nghi ngờ và hiểu lầm của ông K

là bà có quan hệ người khác bên ngoài, nhưng bà V chưa làm được nên mâu thuẫn tình cảm càng nghiêm trọng. Ngoài ra trong thời gian chung sống với nhau bà V và ông K không hòa hợp được tính tình, như ông K tính tình nóng nảy nhưng không chịu khắc phục còn bà V chưa rõ ràng về tài chính nhằm để tạo niềm tin trong quan hệ tình cảm giữa vợ chồng, từ đó dẫn đến bà V và ông K đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Với những nguyên nhân này cho thấy về tình cảm giữa bà V và ông K không còn hàn gắn lại và mục đích hôn nhân không thể đạt được, tuy nhiên tại phiên tòa bà V và ông K thuận tình ly hôn. Xét thấy bà V và ông K thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của bà V và ông K là phù hợp.

2.2. Về con chung, giữa bà V và ông K có 02 người con chung tên là Trần Thị Tú S, sinh ngày 29/9/1999 và Trần Thị Ái N, sinh ngày 11/08/2002. Đối với cháu S đến ngày xét xử đã đến tuổi trưởng thành, nên không xem xét. Còn về cháu Như sau khi bà V và ông K sống ly thân thì cháu Như sống chung với ông K. Tuy nhiên tại phiên tòa bà V và ông K thỏa thuận với nhau để bà V được quyền nuôi con tên Trần Thị Ái N là phù hợp với nguyện vọng của cháu Như theo bản tự khai ngày 19/3/2019 cháu Như nguyện vọng sống với bà V. Căn cứ Điều 55, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện nuôi con của bà V và ông K về việc nuôi con cháu Như là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa bà V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại phiên tòa ông K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2020 đến khi cháu Như trưởng thành. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con của ông K là hoàn toàn tự nguyện đúng quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông K là hợp lý.

[3]. Về tài sản chung, tại phiên tòa bà V và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Còn đối với Quyết định số:5315/QĐ-UBND, ngày 06/12/2007 của UBND huyện T "Về việc tạm giao nền nhà trên cụm dân cư vượt lũ số 1 thị trấn T, huyện T" cho ông (bà) Trần Tấn K đứng tên 01 nền nhà diện tích 101,45m^2 lô số C.10, cụm dân cư số 1, thị trấn T. Tại phiên tòa bà V và ông K thống nhất Quyết định số: 5315/QĐ-UBND, ngày 06/12/2007 của UBND huyện T bà V đang quản lý và bà V đồng ý giao lại cho ông K. Nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà V.

[4]. Đối với phần nợ, tại phiên tòa bà V và ông K khai có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T 02 khoản gồm mua nền nhà ở trả chậm và hộ thoát nghèo số tiền 29.000.000đồng và đến ngày 16/10/2019 đã trả xong số tiền vay. Xét thấy về khoản nợ vay của bà V và ông K, tại bản tự khai ngày 29/8/2019 của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, vào ngày 01/02/2008 ông K người đứng tên vay vốn chương trình nhà ở cụm tuyến dân cư số tiền 9.000.000đồng, lãi suất 0,25%/ tháng và đã trả 1.500.000đồng còn nợ 7.500.000đồng, đến ngày 13/11/2018 ông K vay vốn chương trình hộ mới thoát

nghèo số tiền 20.000.000đồng, lãi suất 8,25%/năm và đã trả 15.000.000đồng còn nợ 5.000.000đồng, tổng cộng còn nợ Ngân hàng 02 khoản tiền gốc 12.500.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 13/9/2019 là 54.144đồng. Tuy nhiên ngày 17/10/2019 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T gửi đơn đề nghị không tham gia tố tụng và xác nhận ngày 16/10/2019 ông K, bà V đã trả hết số nợ. Như vậy theo đơn đề nghị và xác nhận ngày 17/10/2019 của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T thì đến ngày 16/10/2019 bà V và ông K đã trả hết 02 khoản nợ của Ngân hàng, nên Hội đồng xét xử không đề cập nghĩa vụ trả nợ của bà V và ông K đối với Ngân hàng, cũng như không đưa Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T vào tham gia tố tụng theo đơn đề nghị của Ngân hàng là phù hợp.

[5].Về án phí: Bà V phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông K phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 và Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, 55, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Cẩm V và ông Trần Tấn K.

2.Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận việc nuôi con giữa bà Nguyễn Thị Cẩm V với ông Trần Tấn K. Bà V được quyền nuôi con tên Trần Thị Ái N, sinh ngày 11/8/2002. Ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2020 đến khi cháu Trần Thị Ái N trưởng thành tròn 18 tuổi.

3. Bà Nguyễn Thị Cẩm V có nghĩa vụ giao trả lại ông Trần Tấn K 01 Quyết định số 5315/QĐ-UBND, ngày 06/12/2007 của UBND huyện T "Về việc tạm giao nền nhà trên cụm dân cư vượt lũ số 1 thị trấn T, huyện T do ông Trần Tấn K đứng tên (bản chính).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3.Về án phí: bà Nguyễn Thị Cẩm V phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai số 0004980 ngày 12/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang thành án

phí (bà V đã nộp xong). Ông Trần Tấn K phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Minh Tấn – Trần Thị Năm **Nguyễn Văn Hoàng**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hoàng